

Số: 240 /TTr-UBND

Kbang, ngày 15 tháng 12 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị ban hành nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn huyện Kbang.

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện khóa VIII, kỳ họp thứ tư

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ “ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính-ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán sách địa phương hàng năm”;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Trên cơ sở kế thừa quy định phân cấp ổn định nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020, kéo dài qua năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân huyện Khóa VII, kỳ họp thứ hai thông qua tại Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2016. Dựa vào khả năng thu ngân sách nhà nước năm 2022 và khả năng tài chính-ngân sách được tỉnh phân bổ; đặc điểm tình hình của địa phương; phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và năng lực quản lý của các cơ quan, đơn vị, chính quyền cấp huyện, xã.

Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo tổ chức Hội nghị lấy ý kiến tham gia của các phòng, ban, đơn vị cấp huyện và các xã, thị trấn. Trên cơ sở ý kiến tham gia, huyện đã nghiên cứu, bổ sung, hoàn chỉnh việc xây dựng dự thảo đề trình Hội đồng nhân dân huyện khóa VIII, kỳ họp thứ tư ban hành nghị quyết quy

định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn huyện Kbang (dự thảo kèm theo Tờ trình).

Nội dung dự thảo về nguyên tắc kế thừa những kết quả đạt được của việc phân cấp ổn định nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách theo Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2016 của HĐND huyện khóa VII, kỳ họp thứ hai, bổ sung, điều chỉnh những quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2015, quy định tại Quyết định số Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai. Đảm bảo tỷ lệ cơ cấu giữa nội dung chi cho tiền lương, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp và chi khác. Đảm bảo mức tăng hợp lý so với dự toán năm 2021 do Ủy ban nhân dân huyện giao và phù hợp với khả năng ngân sách năm 2022 cũng như các năm tiếp theo của thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025.

Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện Kbang khóa VIII, kỳ họp thứ Tư xem xét, quyết định./. *ph*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- Các phòng: TC-KH, NN&PTNT;
- Lãnh đạo VP UBND-HĐND huyện;
- Lưu VT, KT. *nhu*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Dũng

QUY ĐỊNH

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách huyện-xã cho thời kỳ 2022-2025

*(Ban hành kèm theo tờ trình số 240 /TTr-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Kbang)*

CHƯƠNG I

PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI GIỮA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

Điều 1. Phân cấp nguồn thu

1. Thu từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc danh do Chi cục thuế huyện thu:

1.1 Ngân sách huyện hưởng 100%:

Thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh không có vốn tham gia của Nhà nước bao gồm: hợp tác xã, tổ hợp tác; các doanh nghiệp ngoài quốc doanh không có vốn tham gia của Nhà nước; đơn vị sự nghiệp do Chi cục thuế huyện quản lý trực tiếp người nộp thuế, ngân sách hưởng 100%, gồm:

- Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại điểm a, điểm đ khoản 1 Điều 35 Luật NSNN);

- Lệ phí môn bài;

- Thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại điểm c khoản 1 điều 35 Luật NSNN), thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí).

1.2 Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh:

a. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại điểm a, điểm đ khoản 1 Điều 35 Luật NSNN)

- Thu trên địa bàn thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 90%, thị trấn hưởng 10%.

- Thu trên địa bàn các xã: Ngân sách xã hưởng 100%.

- Thu qua thanh tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 100%.

b. Lệ phí môn bài:

- Thu trên địa bàn thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 40%, ngân sách thị trấn hưởng 60%.

- Thu trên địa bàn các xã: Ngân sách xã hưởng 100%.

- Thu qua thanh tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 100%.

c. Thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại điểm c khoản 1 điều 35 Luật NSNN), thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)

- Thu trên địa bàn thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 30%, ngân sách thị trấn hưởng 70%.

- Thu trên địa bàn các xã: Ngân sách xã hưởng 100%.

- Thu qua thanh tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 100%.

2. Thuế thu nhập cá nhân:

- Thu trên địa bàn thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 50%, ngân sách thị trấn hưởng 50%.

- Thu trên địa bàn các xã: Ngân sách xã hưởng 100%.

- Thu qua thanh tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 100%.

3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

- Thu trên địa bàn các xã, thị trấn: Ngân sách xã, thị trấn hưởng 100%.

- Thu qua thanh tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 100%.

4. Thuế sử dụng đất nông nghiệp của doanh nghiệp không có vốn tham gia của nhà nước; đơn vị sự nghiệp do cấp huyện, cấp xã quản lý; hợp tác xã, hộ gia đình:

- Thu trên địa bàn các xã, thị trấn: Ngân sách xã, thị trấn hưởng 100%.

- Thu qua thanh tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 100%.

5. Lệ phí trước bạ:

5.1 Lệ phí trước bạ (không kể lệ phí trước bạ, nhà đất): Ngân sách huyện hưởng 100%.

5.2 Lệ phí trước bạ nhà, đất:

- Thu trên địa bàn thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 40%, ngân sách thị trấn hưởng 60%.

- Thu trên địa bàn các xã: Ngân sách xã hưởng 100%.

- Thu qua thanh tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 100%.

6. Thu tiền sử dụng đất:

6.1 Thu tiền sử dụng đất dự án do ngân sách huyện đầu tư thực hiện: Ngân sách huyện hưởng 100%.

6.2 Thu tiền sử dụng đất (không kể tiền sử dụng đất do ngân sách huyện đầu tư thực hiện:

- Thu trên địa bàn thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 100%.

- Thu trên địa bàn các xã: Ngân sách huyện hưởng 20%, ngân sách xã hưởng 80%.

7. Thu tiền cho thuê đất:

7.1 Thu tiền cho thuê đất do cơ quan cấp huyện quyết định thu: Ngân sách huyện hưởng 100%.

7.2 Thu tiền cho thuê đất do cơ quan cấp xã quyết định thu:

- Thu trên địa bàn thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 40%, ngân sách thị trấn 60%.

- Thu trên địa bàn các xã: Ngân sách huyện hưởng 20%, ngân sách xã hưởng 80%.

8. Thu phạt vi phạm trật tự an toàn giao thông:

- Thu phạt vi phạm trật tự an toàn giao thông do người có thẩm quyền thuộc cơ quan cấp huyện xử lý: Ngân sách huyện hưởng 100%.

- Thu phạt vi phạm trật tự an toàn giao thông do người có thẩm quyền thuộc cơ quan cấp xã xử lý: Ngân sách cấp xã hưởng 100%.

9. Các khoản thu còn lại:

9.1 Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100% gồm: Thu từ bán tài sản NN do cấp huyện quản lý; Tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN do huyện quản lý; Tiền cho thuê mặt nước do NS cấp huyện đầu tư và do cơ quan cấp huyện quản lý; Tiền cho thuê nhà, thuê quầy bán hàng do cơ quan cấp huyện quản lý; Thu phí và lệ phí (phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật) của các đơn vị do cấp huyện quản lý; Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của NN do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện xử lý; Thu sự nghiệp, các khoản thu khác ngân sách của các đơn vị do cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật; Tiền thu xử phạt VPHC, phạt, tịch thu do các cơ quan cấp huyện (kể cả Hạt kiểm lâm) xử lý; Thu huy động đóng góp, thu viện trợ do các cơ quan cấp huyện quản lý thực hiện, Thu bổ sung ngân sách cấp huyện, thu kết dư ngân sách cấp huyện năm trước, thu chuyển nguồn của ngân sách cấp huyện từ năm trước chuyển sang; Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên.

9.2 Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100% gồm: Thu từ bán tài sản NN do cấp xã quản lý; Tiền cho thuê mặt nước do cấp xã quản lý; Tiền cho thuê nhà, thuê quầy bán hàng do cấp xã quản lý, Thu phí và lệ phí (phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật) của các bộ phận do cấp xã quản lý; Thu đấu thầu, thu khoán theo mùa vụ từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý; Thu sự nghiệp, các khoản thu khác ngân sách của cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật; Tiền thu xử phạt VPHC, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã xử lý; Thu huy động đóng góp, thu viện trợ do cấp xã quản lý thực hiện; Thu bổ sung ngân sách cấp xã, thu kết dư ngân sách cấp xã năm trước, thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.

Tỷ lệ (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp huyện với ngân sách cấp xã theo bảng đính kèm.

Điều 2. Phân cấp nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện:

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do cấp huyện, cấp xã quản lý (trừ các công trình đã được phân cấp chi cho ngân sách xã):

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp giao thông đô thị, điện chiếu sáng, hệ thống cấp thoát nước, vỉa hè, đường giao thông, đường điện và công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý (trừ các tuyến đường thuộc các dự án trọng điểm do ngân sách tỉnh đầu tư);

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình vệ sinh công cộng, hệ thống nước sinh hoạt, công trình bảo vệ môi trường; công viên, khu vui chơi giải trí và các công trình phúc lợi công cộng khác;

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, trụ sở xã, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trạm y tế (trừ xây mới);

- Đầu tư xây dựng trụ sở hoặc nơi làm việc, sinh hoạt của Công an xã theo khả năng của ngân sách cấp huyện;

- Hỗ trợ xây dựng trại tạm giam, nhà tạm giữ theo khả năng của ngân sách cấp huyện;

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở, cơ sở làm việc, trang thiết bị chuyên môn các cơ quan thuộc huyện, thị xã, thành phố;

- Đầu tư xây dựng thao trường huấn luyện của huyện, thị xã, thành phố;

- Nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, lâm nghiệp, thủy lợi, , kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 07 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP 13 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Ủy thác về ngân hàng chính sách xã hội theo Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22 tháng 11 năm 2014 của Ban bí thư Trung ương đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội.

b) Chi chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu theo phân cấp của tỉnh.

c) Chi đo đạc, lập bản đồ địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trích lập quỹ Phát triển đất; chi hỗ trợ chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương.

d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo qui định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên:

a) Chi hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, lâm nghiệp, thủy lợi, chi hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi; công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công; bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa ; phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả;

- Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình giao thông, cầu đường (trừ quốc lộ, tỉnh lộ); do cấp huyện, cấp xã quản lý.

- Sự nghiệp thị chính, chỉnh trang đô thị: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống thoát nước, giao thông nội thị, công viên, cây xanh, vệ sinh đô thị và các sự nghiệp thị chính khác;

- Lập, thẩm định, công bố và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành do cấp huyện quản lý;

- Đo đạc lập bản đồ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Duy tu, bảo dưỡng công trình phúc lợi công cộng; bảo vệ, duy trì các thương hiệu trên địa bàn tỉnh và chi hoạt động kinh tế khác theo quy định của pháp luật;

- Chi sự nghiệp kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

b) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; đào tạo, tập huấn chuyên môn, quản lý về bảo vệ môi trường; khen thưởng việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Quản lý các công trình vệ sinh công cộng, trang thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng, tưới nước cây xanh, thảm cỏ đô thị;

- Xử lý chất thải, xử lý chất thải nguy hại, xử lý, chôn lấp chất thải;

- Hoạt động quản lý về bảo vệ môi trường theo nhiệm vụ được phân cấp cho cấp huyện;

- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

c) Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề:

- Hoạt động giáo dục mầm non (nhà trẻ, mẫu giáo), tiểu học, trung học cơ sở (kể cả dân tộc nội trú, bán trú, bổ túc văn hoá).

- Công tác xoá mù chữ, phổ cập tiểu học, phổ cập trung học cơ sở.

- Đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, hướng dẫn dạy nghề tại các cơ sở thuộc huyện quản lý.

- Đào tạo lại cán bộ, công chức thuộc biên chế cấp huyện, cấp xã, cán bộ không chuyên trách cấp xã, cán bộ thôn, làng, tổ dân phố; hoạt động đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở thuộc huyện quản lý;

- Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: Giáo dục & ĐT-Lao động TB&XH-Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật; hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục Đại học theo quy định tại Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường

phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; kinh phí thực hiện chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học tập theo quy định tại Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người; kinh phí cấp bù, miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định cho các trường do cấp huyện quản lý;

- Các sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề khác theo quy định của pháp luật.

d) Chi Sự nghiệp khoa học, công nghệ: Chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật (*Trừ nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ*).

đ) Chi sự nghiệp văn hoá thông tin (*kể cả chi triển khai, sơ kết, tổng kết, khen thưởng và các nội dung hoạt động khác của Cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*); bảo tồn và phát triển văn hóa phi vật thể cộng đồng Tây nguyên (*mua sắm, tập huấn, dạy đánh cồng chiêng...*), hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao do cấp huyện quản lý.

e) Chi sự nghiệp Phát thanh, truyền hình: bao gồm mua sắm, sửa chữa, chi cho công tác nghiệp vụ cho Đài Phát thanh và Truyền hình; trạm phát lại truyền hình vùng lõm các huyện. Chi sự nghiệp Phát thanh, truyền hình khác theo quy định của pháp luật.

f) Chi đảm bảo xã hội:

- Trợ cấp đối tượng xã hội cộng đồng, đối tượng nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi;

- Chi cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội của các đối tượng do huyện quản lý;

- Cứu đói, cứu trợ xã hội thường xuyên và đột xuất.

- Công tác quản lý Nghĩa trang, Đài tưởng niệm.

- Hỗ trợ đối tượng chính sách (thăm hỏi, sửa chữa nhà, vv ...);

- Chi đảm bảo xã hội khác theo quy định của pháp luật.

g) Chi quốc phòng:

- Hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và báo cáo công tác quốc phòng do cấp huyện tổ chức.

- Xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên.

- Tổ chức và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ do cấp huyện thực hiện theo Đề án số 2328/ĐA-UBND ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn tại Nghị quyết 285/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 Về việc phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025.

- Chế độ và hoạt động của Tiểu đội dân quân thường trực, Trung đội dân quân súng máy phòng không 12,7 mm, Trung đội dân quân ĐKZ 82 mm, Trung đội dân quân cối 82 mm theo quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền;
 - Đảm bảo chế độ, chính sách đối với sĩ quan dự bị;
 - Đảm bảo công tác phòng không nhân dân, quân báo nhân dân;
 - Thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ (bao gồm kinh phí đảm bảo vật chất hậu cần cho dân quân thường trực theo quy định tại khoản 5, Điều 12, Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/06/2020 của Chính phủ), hậu phương quân đội và chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân ở địa phương do cấp huyện thực hiện.
 - Tổ chức thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự, công tác tuyển quân, ra quân; đảm bảo chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.
 - Công tác giáo dục quốc phòng, huấn luyện quân nhân dự bị, dân quân tự vệ do cấp huyện thực hiện.
 - Hỗ trợ quân sự, công tác quân sự địa phương ở cơ sở.
 - Hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực quốc phòng của ngân sách Trung ương theo khả năng cân đối của ngân sách huyện được quy định tại Điều 12 Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về Quy định quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh cho cơ quan quân sự, các đơn vị Biên phòng và các đơn vị quân đội chủ lực khác của huyện.
 - Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa các công trình chiến đấu, phục vụ chiến đấu, doanh trại, kho tàng của cơ quan quân sự cấp huyện theo khả năng của ngân sách cấp huyện;
 - Diễn tập và hội thao quốc phòng do cấp huyện thực hiện.
 - Thực hiện công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế do cơ quan cấp huyện thực hiện.
 - Chi quốc phòng khác theo quy định của pháp luật.
- h) Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội:
- Phòng chống tham nhũng, chống buôn lậu, gian lận thương mại do cấp huyện thực hiện;
 - Chi công tác phòng cháy, chữa cháy (trừ công tác phòng cháy chữa cháy do Công an tỉnh thực hiện);
 - Chi phòng chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội; phòng, chống ma túy do cơ quan cấp huyện thực hiện;
 - Công tác an toàn giao thông do cơ quan cấp huyện thực hiện;
 - Sơ kết, tổng kết, khen thưởng đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;
 - Chi cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

- Hỗ trợ an ninh trật tự ở cơ sở;
 - Hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện, các điều kiện bảo đảm khác phục vụ cho hoạt động của lực lượng Công an xã.
 - Hỗ trợ xây dựng, cải tạo và sửa chữa trụ sở làm việc, trại tạm giam, nhà tạm giữ, mua sắm trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ cho cơ quan Công an cấp huyện theo khả năng của ngân sách cấp huyện;
 - Tổ chức diễn tập, phòng chống khủng bố, cứu hộ, cứu nạn, phòng cháy, chữa cháy và hội thao phòng cháy, chữa cháy do cơ quan cấp huyện thực hiện theo Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
 - Hỗ trợ các nhiệm vụ tham gia khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ bảo đảm an ninh, quốc phòng đột xuất cho cơ quan Công an cấp huyện theo khả năng của ngân sách cấp huyện;
 - Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội khác theo quy định của pháp luật.
- i) Hoạt động của cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp huyện; hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức, cơ sở Đảng trong các doanh nghiệp không có vốn tham gia của nhà nước, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp.
- k) Hoạt động của Hội đồng nhân dân và các cơ quan nhà nước cấp huyện.
- l) Hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội huyện.
- m) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-ngề nghiệp ở cấp huyện đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của nhà nước và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị cấp trên có tham gia thực hiện những nhiệm vụ của địa phương theo khả năng ngân sách của cấp huyện.
- n) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản qui phạm pháp luật do các cơ quan cấp huyện thực hiện.
- o) Hoạt động của các trung tâm cụm xã trên địa bàn.
- p) Thực hiện các nhiệm vụ chi được ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu (Chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình mục tiêu nhiệm vụ, kinh phí phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt, phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi và các khoản bổ sung có mục tiêu khác).
- q) Chi bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.
- r) Chi tạo nguồn Cải cách tiền lương.
- s) Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.
- t) Chi ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính.
- u) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.
- Điều 3. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã:**
- 1. Chi đầu tư phát triển:**
- a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý:
- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn đường giao thông nội bộ (đường liên thôn, làng, đường hẻm).

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn các công trình phúc lợi công cộng do cấp xã quản lý.

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn trụ sở, trường mầm non, phòng họp, nhà sinh hoạt cộng đồng ở thôn, buôn, làng, tổ dân phố, công trình thủy lợi nhỏ, công trình nước tự chảy do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phù hợp với khả năng quản lý của từng xã; Quy hoạch để đảm bảo theo quy định tại Luật Quy hoạch;

- Chi Chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu theo phân cấp.

b) Các khoản chi đầu tư từ các nguồn vốn do nhân dân đóng góp và các khoản chi đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Chi thường xuyên:

a) Hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Hoạt động của các tổ chức cơ sở Đảng cộng sản Việt Nam cấp xã.

c) Hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; hỗ trợ các hội, đoàn thể xã hội ở cấp xã theo qui định.

d) Chế độ tiền lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã và phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo qui định của trung ương và địa phương.

đ) Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, công trình phúc lợi công cộng do xã quản lý.

e) Hoạt động quản lý về bảo vệ môi trường theo nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân cấp huyện phân cấp cho cấp xã.

f) Chi cho công tác quản lý bảo vệ rừng do cấp xã quản lý.

g) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; tủ sách pháp luật, hoạt động hoà giải ở cơ sở; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật..

h) Hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng tại xã, thị trấn. Hỗ trợ các hoạt động giáo dục (nhà trẻ, mẫu giáo, bổ túc văn hoá, xoá mù chữ và phổ cập giáo dục, ...).

i) Đào tạo lại cán bộ, công chức cấp xã và cán bộ cơ sở theo nhiệm vụ được phân cấp.

k) Phụ cấp và kinh phí hoạt động cho cán bộ Y tế thôn, bản. Hỗ trợ công tác y tế, dân số, kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc trẻ em.

l) Hoạt động sự nghiệp văn hoá thông tin (*kể cả thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"*), thể dục thể thao, truyền thanh do cấp xã quản lý.

m) Hỗ trợ đối tượng chính sách; cứu đói, cứu trợ, cứu tế xã hội thường xuyên và đột xuất; trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc trước năm 1998.

n) Chi quốc phòng và dân quân tự vệ do cấp xã thực hiện:

- Huấn luyện, diễn tập, hoạt động thường xuyên của lực lượng dân quân tự vệ theo đề án huấn luyện dân quân tự vệ giai đoạn 2021-2025 số 03/ĐA-UBND ngày 22/12/2020 của UBND huyện, được HĐND huyện phê duyệt tại Nghị quyết 11/NQ-HĐND ngày 20/4/2021;

- Tổ chức thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự, công tác tuyển quân; đảm bảo chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

- Công tác giáo dục quốc phòng do cấp xã thực hiện;

- Đảm bảo chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ;

- Tăng cường công tác bảo vệ quốc phòng - an ninh

- Xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên thuộc nhiệm vụ chi của cấp xã;

- Các nhiệm vụ khác thuộc nhiệm vụ chi quốc phòng thuộc nhiệm vụ của cấp xã theo quy định của pháp luật.

o) Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội:

- Chi đảm bảo hoạt động của công an xã, bảo vệ tổ dân phố, tổ tự quản an toàn giao thông, công tác an ninh cơ sở, an ninh nông thôn.

- Chi đảm bảo an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội do cấp xã thực hiện.

- Sơ kết, tổng kết, khen thưởng đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

- Công tác quản lý, giáo dục đối tượng vi phạm pháp luật, người chấp hành án phạt khác tại xã;

- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội khác theo quy định của pháp luật.

p) Hỗ trợ hoạt động của các trung tâm cụm xã trên địa bàn.

q) Thực hiện nhiệm vụ chi được ngân sách huyện bổ sung có mục tiêu (Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng Nông thôn mới, kinh phí phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt, phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi và các khoản bổ sung có mục tiêu khác, ...).

r) Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang năm sau.

s) Hỗ trợ các cơ quan, đơn vị cấp trên có tham gia thực hiện những nhiệm vụ của địa phương theo khả năng ngân sách của cấp xã.

t) Chi ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính.

u) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI NGÂN SÁCH

Điều 4. Những quy định chung:

1. Về tiêu chí phân bổ:

1.1. Đối với các cơ quan, đơn vị cấp huyện: Chọn tiêu chí cơ bản phân bổ chi ngân sách, cụ thể

- Các đơn vị quản lý hành chính: Chọn tiêu chí biên chế.
- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: Chọn tiêu chí biên chế, tiêu chí trường có biên chế thấp, bổ sung các trường có học sinh bán trú, tiêu chí phân bổ theo vùng, bổ sung các trường có học sinh bán trú để tăng gia sản xuất cải thiện đời sống cho học sinh, bếp ăn tập thể, trường nội trú, học sinh nội trú.
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ để giảm mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.
- Các đơn vị sự nghiệp kinh tế thực hiện đặt hàng theo quy định tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 2 năm 2016 của Chính phủ.

1.2 Đối với ngân sách xã, thị trấn chọn tiêu chí phân bổ, như: căn cứ vào số lượng công chức, chuyên trách cấp xã; cán bộ không chuyên trách cấp xã; tổ chức chính trị xã hội cấp xã; số lượng đại biểu HĐND cấp xã; cán bộ tăng cường huyện về xã, các xã với nhau; Xã ở những vùng khó khăn, cách xa trung tâm huyện; theo số lượng đảng viên; các hoạt động, nhiệm vụ của xã,

2. Dự toán chi các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách (từ năm 2023 trở đi) đối với lĩnh vực chi thuộc ngân sách cấp huyện như quản lý hành chính, sự nghiệp giáo dục-đào tạo được điều chỉnh tăng thêm hàng năm theo tỷ lệ khi tính hỗ trợ và khả năng thu ngân sách của huyện để trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định.

3. Đối với các xã, thị trấn nhận bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện, từ năm 2023 trở đi căn cứ khả năng thu của ngân sách huyện và tính hỗ trợ tăng, Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện hỗ trợ thêm một phần kinh phí để giảm bớt khó khăn cho các xã, thị trấn.

Điều 5. Định mức phân bổ

I. Định mức phân bổ chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị cấp huyện:

1. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính:

9.723,709 tr đ

- Định mức phân bổ:

ĐVT: Trđ

S TT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2022	Ghi Chú
I	Chi theo biên chế (triệu đồng/biên chế/năm)		
1	Chi thường xuyên cho cán bộ công chức khối đảng, khối nhà nước, mặt trận và các đoàn thể	28	
2	Chi thường xuyên cho viên chức, hợp đồng 68 khối đảng, khối nhà nước, mặt trận và các đoàn thể	10	
3	Chi các nhiệm vụ về phong trào của khối đoàn thể (trừ mặt trận tổ quốc)	4	
4	Chi thường xuyên huyện ủy viên	02	
II	Kinh phí theo quyết định 856-QĐ/TU (trđ/năm)	417	

- Định mức đã bao gồm tất cả các nhiệm vụ chi:

+ Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin, tuyên truyền, liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng,

+ Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn của các ngành, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; Chi hỗ trợ công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, Đoàn thể trong cơ quan.

+ Kinh phí chi thường xuyên giao theo biên chế: các cơ quan, đơn vị bố trí 20% kinh phí để mua sắm tài sản, trang thiết bị và bảo dưỡng, sửa chữa tài sản của đơn vị trong năm theo quy định.

- Các cơ quan hành chính thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ, xây dựng phương án chi tiêu nội gởi cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện.

- Kinh phí hoạt động của các Thường trực, Huyện ủy, UB Mặt Trận, HĐND, UBND huyện, các ban của đảng, của HĐND căn cứ tình hình nhiệm vụ, khả năng ngân sách hàng năm để bố trí.

Dự toán giao ổn định trong giai đoạn 2022-2025.

*** Phân bổ dự toán ngân sách quy định trên không bao gồm:**

- Chi lương và các khoản có tính chất tiền lương quy định.

- Các khoản chi đặc thù, điều hành chung cho các thường trực Huyện ủy, HĐND, UBND, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện gồm: chi tổ chức Đại hội; chi hoạt động của các Ban chỉ đạo, tổ công tác liên ngành; chi sửa chữa lớn trụ sở; kinh phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Kinh phí các cơ quan tổng hợp; Kinh phí đảm bảo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của cấp huyện; Cải cách thủ tục hành chính; phục vụ hội nghị trực tuyến; quản lý ngân sách qua hệ thống TABMIS; kinh phí đường truyền, máy chủ; trang phục ngành thanh tra; kinh phí khen thưởng tập trung, ... căn cứ vào khả năng của ngân sách hàng năm để bố trí kinh phí hợp lý, phù hợp với yêu cầu thực tế, chi theo đúng chế độ quy định.

- Các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

- Dự toán chi quản lý hành chính các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định được hội đồng nhân dân huyện quyết định điều chỉnh tăng thêm hàng năm theo tỷ lệ hợp lý, phù hợp với yêu cầu thực hiện và khả năng của ngân sách.

2. Phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề:

2.1 Tiêu chí phân bổ:

- Tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp dạy tăng, dạy thay), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của công chức, viên chức trong chỉ tiêu biên chế được giao.

- Học bổng học sinh dân tộc nội trú (theo chỉ tiêu giao ở năm học 2021 – 2022 của cấp có thẩm quyền).

- Chi thường xuyên: Mỗi biên chế 13 trđ / biên chế/năm; Bổ sung trường có dưới 10 biên chế 60 trđ /trường; Bổ sung trường nằm tại địa bàn xã khó khăn, ở xã Vùng I: 10 trđ/trường, xã vùng II là 20 trđ/trường và vùng III là 30 trđ/trường;

Trường bán trú căn cứ vào số lượng học sinh để bổ sung; Trường nội trú bổ sung thêm 500 triệu đồng/năm.

2.2 Định mức phân bổ dự toán:

ĐVT: 1.000đ

S TT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2022	Ghi Chú
A	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	185.941.000	
I	Chi sự nghiệp giáo dục:		
1	Lương và các khoản phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định	149.345.374	
2	Chi thường xuyên	31.580.903	
2.1	Phân bổ về các đơn vị trường học	19.992.524	
2.2	Tăng cường cơ sở vật chất	7.073.700	Hàng năm phân khai cụ thể
2.3	Trích 1,5% chi khen thưởng tập trung toàn ngành	1.350.000	Chuyển về quỹ khen thưởng tập trung của huyện
2.4	Chi các hoạt động chung của ngành: các hoạt động thi học sinh giỏi, may trang phục giáo viên thể dục thể thao, chi phụ cấp lớp ghép, vận chuyển gạo cho học sinh bán trú, gặp mặt tài năng trẻ hàng năm, hỗ trợ hội cựu giáo chức, hội khuyến học ...	1.170.000	Theo yêu cầu từng năm phân khai cụ thể
2.5	Hỗ trợ học sinh tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT	41.400	
2.6	Bổ sung về các xã, thị trấn thực hiện	824.000	
2.7	Dự nguồn nâng lương định kỳ và nhiệm vụ phát sinh trong năm	2.532.079	
II	Đào tạo	1.478.000	
1	Chi tổ chức các lớp đào tạo tại huyện do trung tâm GDTX tổ chức	515.000	Thực hiện theo kế hoạch được duyệt
2	Chi tổ chức các lớp đào tạo tại huyện do trung tâm BDCT tổ chức	590.000	
2.1	Chi TX cho trung tâm BDCT	90.000	
2.2	Chi công tác đào tạo	500.000	Thực hiện theo kế hoạch được duyệt
3	Kinh phí đào tạo cán bộ các cơ quan, đơn vị cử đi học, đào tạo (đi học cao cấp lý luận chính trị, cao học, ...)	220.000	
4	Văn phòng huyện ủy: Kinh phí hoạt động lực lượng nông công tuyên truyền miễn cơ sở	90.000	
3	Các nhiệm vụ đào tạo phát sinh trong năm	63.000	
III	10% tiết kiệm chi TX tạo nguồn CCTL	3.747.000	
B	Các chế độ chính sách giao đầu năm	16.864.000	

1	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non; chính sách ưu tiên đối với học sinh mẫu giáo, học sinh dân tộc ít người	4.035.060	
2	Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP	10.034.924	
3	KP thực hiện chi trả học bổng và mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập cho người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	609.636	
4	Hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg	17.880	
5	Hỗ trợ học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg	75.194	
6	Cấp bù miễn, giảm học phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP	2.091.306	

- Dự toán trên giao ổn định trong giai đoạn 2022 - 2025.

Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm:

+ Toàn bộ kinh phí hoạt động sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề tỉnh đã phân cấp cho huyện.

+ Các đơn vị trường học phải dành tối thiểu 40% kinh phí chi thường xuyên giao theo định mức biên chế (13 trđ/bc/năm) để thực hiện duy tu, sửa chữa tài sản, cơ sở vật chất của đơn vị.

+ Đã tính toán các khoản kinh phí thường xuyên; thực hiện chương trình đổi mới giáo dục; các chế độ học bổng cho học sinh dân tộc nội trú, các khoản chi hoạt động cho trường bán trú; Kinh phí thực hiện các chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP của Chính phủ và phụ cấp ưu đãi ngành, đứng lớp,

- Riêng kinh phí thực hiện theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP chưa giao cho các đơn vị trường học, được tỉnh bổ sung có mục tiêu để triển khai thực hiện.

3. Phân bổ dự toán chi đảm bảo xã hội:

Đơn vị tính: 1.000 đ

S TT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2022	Ghi chú
I	Đảm bảo xã hội giao cân đối	798.000	
1	Chi các chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	368.920	
2	Chi đảm bảo xã hội khác, cứu đói, cứu trợ công tác xã hội khác phân cấp cho huyện	162.237	
3	Công tác quản lý nghĩa trang, đền tưởng niệm liệt sỹ Ka nak	136.500	
4	Chi đảm bảo xã hội khác	130.343	
II	Kinh phí giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong Đồng bào DTTS	170.000	
III	Chi các Đối tượng bảo trợ Xã hội theo Nghị	19.828.000	

	định 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ		
IV	Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ CSXH	2.268.000	

- Dự toán trên giao ổn định trong giai đoạn 2022- 2025.
- Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm:
 - + Kinh phí thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;
 - + Kinh phí giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong Đồng bào Dân tộc thiểu số
 - + Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã được tính giao trong dự toán đầu năm để thực hiện theo chế độ quy định.

4. Phân bổ dự toán chi sự nghiệp văn hoá thông tin:

- Định mức phân bổ:

Đơn vị tính: 1.000đ

S TT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2022	Ghi chú
	Sự nghiệp Văn hoá-Thông tin	1.784.000	
1	Trung tâm Văn hóa-TT	1.304.403	
1.1	Chi con người	955.403	
1.2	Chi hoạt động văn hoá thông tin, bảo tồn, bảo tàng, công chiêng, khen thưởng các phong trào văn hóa văn nghệ và tổ chức các hoạt động văn hóa	148.500	
1.3	Chi tuyên truyền: Tổ chức các hoạt động tuyên truyền cơ sở, các ngày lễ lớn, in bạt tuyên truyền, ...	80.000	
1.4	KP tổ chức các hội thi tuyên truyền, tham gia hội thi văn hóa thể thao dân tộc thiểu số ở tỉnh,....	120.500	
2	Chi chăm sóc bảo vệ trẻ em	10.000	
3	Chi hoạt động toàn dân đoàn kết XD đời sống văn hóa dân cư, văn minh đô thị+khen thưởng	30.000	
4	Chi duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng, tiền công bảo vệ, quản lý các điểm di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn huyện	360.000	
5	Các nhiệm vụ phát sinh	21.597	
6	10% Tiết kiệm Chi TX tạo thực hiện CCTL	58.000	

- Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm:
 - + Kinh phí duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng, quản lý các di tích lịch sử-văn hóa; di tích thắng cảnh được xếp hạng và được giao cho huyện, xã quản lý: 100 triệu đồng/di tích/ năm.
 - + Toàn bộ kinh phí hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin đã phân cấp cho huyện.
 - + Kinh phí thực hiện chế độ thông tin, tuyên truyền.
 - + Kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa, truyền thanh xã, bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, công chiêng...
 - + Kinh phí thực hiện Cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

- Dự toán trên giao ổn định trong giai đoạn 2022 - 2025

5. Phân bổ dự toán chi sự nghiệp Thể dục - Thể thao:

- Định mức phân bổ:

Đơn vị tính: 1.000đ

S TT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2022	Ghi chú
I	Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	412.000	
1	Trung tâm Văn hóa-TT:	252.000	
-	Chi con người	88.397	
-	Tham gia hoạt động TDTT cấp tỉnh	100.000	
-	Tổ chức các giải thi đấu tại huyện, tỉnh (bóng đá nam, trò chơi dân gian, giải viết dã, hội thi thể thao các dân tộc thiểu số...)	63.603	
2	10% TK thực hiện CCTL theo quy định	30.000	

- Định mức trên bao gồm toàn bộ hoạt động thể dục thể thao đã phân cấp cho huyện (kể cả kinh phí tổ chức đại hội TDTT cấp huyện; kinh phí tham gia đại hội TDTT cấp tỉnh).

- Dự toán trên giao ổn định trong giai đoạn 2022 - 2025

6. Phân bổ dự toán chi cho đài Truyền thanh-TH:

- Định mức phân bổ:

Đơn vị tính: 1.000đ

S TT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2022	Ghi chú
I	Chi truyền thanh, truyền hình	1.167.000	
1	Chi con người	835.156	
2	Chi hoạt động công tác nghiệp vụ truyền thanh, truyền hình;	135.000	
3	Kinh phí thực hiện trang truyền hình địa phương trên đài tỉnh	36.000	
4	Kinh phí quảng bá trên các báo	80.000	
5	10% TK thực hiện CCTL theo quy định	25.000	
6	Nhiệm vụ phát sinh trong năm	55.844	

- Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm: kinh phí thực hiện tăng thời lượng phát sóng, phát thanh truyền hình bằng tiếng đồng bào dân tộc.

- Dự toán trên giao ổn định trong giai đoạn 2022 - 2025

7. Phân bổ dự toán chi quốc phòng - an ninh:

7.1 Dự toán chi cho Quốc Phòng:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

S TT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2022	Ghi chú
I	Chi quốc phòng	1.824.000	
1	Phụ cấp quản lý chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ; huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ do BCH quân sự thực hiện; huấn luyện lực lượng bị động viên; quân trang	920.000	

	lực lượng Dự bị động viên và các nhiệm vụ về quốc phòng phân cấp cho huyện, ...		
2	Trung đội dân quân súng máy PK12,7mm	135.000	
3	Trung đội dân quân ĐKZ 82mm và Cối 82mm	69.000	
4	KP hỗ trợ xây dựng các công trình chiến đấu, phục vụ chiến đấu	700.000	

- Định mức chi quốc phòng trên giao ổn định trong giai đoạn 2022-2025

+ Đã bao gồm toàn bộ hoạt động quốc phòng cấp huyện được phân cấp, BCH quân sự huyện đơn vị sắp xếp thực hiện các nhiệm vụ trong năm theo thứ tự đảm bảo sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm kinh phí

- Đối với kinh phí tổ chức diễn tập vận hành cơ chế theo Nghị quyết 28-NQ/TW, ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ có mục tiêu và bổ sung từ ngân sách huyện theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh, huyện.

- Đối kinh phí công trình chiến đấu, phục vụ chiến đấu năm 2022 là 3.700 trđ, đã bố trí 700 trđ, còn lại bố trí ở nguồn kết dư năm 2021 chuyển sang 2022 là 3.000 trđ.

8.2 Dự toán chi cho an ninh:

Định mức phân bổ dự toán đã bao gồm toàn bộ hoạt động an ninh cấp huyện và được giao ổn định trong giai đoạn ngân sách 2022-2025.

Đơn vị tính: 1.000đ

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2022	Ghi chú
I	An ninh	558.000	
1	Hỗ trợ công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội, công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, sơ kết, tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, an trật tự, an toàn xã hội	363.000	
2	Kinh phí Hội nghị biểu dương già làng, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, ...	45.000	
3	Hỗ trợ kinh phí chi cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	95.000	
4	10% tiết kiệm tạo nguồn CCTL Theo quy định	55.000	

8. Phân bổ dự toán chi sự nghiệp kinh tế:

- Định mức phân bổ dự toán:

ĐVT: 1.000 đồng

S TT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2022	Ghi chú
I	Chi trong cân đối	30.624.000	
1	Sự nghiệp nông nghiệp	3.434.757	
2	Sự nghiệp giao thông	4.050.000	
3	Kiến thiết thị chính, Chính trang đô thị	14.475.000	
4	Quy hoạch	900.000	
5	Kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ phát triển đất trồng lúa	1.861.000	

6	Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	2.016.000	
7	Sự nghiệp kinh tế khác	1.687.243	
8	10% tiết kiệm chi TX để thực hiện CCTL	2.200.000	
II	Chi từ tiền thuê mặt đất, mặt nước	64.000	
III	Chi nguồn bổ sung mục tiêu	234.000	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông: đơn vị ưu tiên chi cho con người, các đối tượng, phụ cấp BCD,	234.000	
	TỔNG CỘNG (I+II+III)	30.922.000	

- Dự toán trên giao ổn định trong giai đoạn 2022 - 2025
- + Dự toán chi sự nghiệp kinh tế của huyện phân bổ đã trừ kinh phí chuyển về xã, chuyển chi HCSN, Ủy thác ngân hàng chính sách...).
- + Đối với chính trang đô thị tỉnh thêm theo định mức của TW cho huyện đô thị loại V là **5.000 triệu đồng/năm**.
- + Dự toán trên đã bao gồm toàn bộ kinh phí hoạt động sự nghiệp kinh tế đã phân cấp cho cấp huyện.
- + Kinh phí 10% tiết kiệm chi TX để cải cách tiền lương để tại Ngân sách huyện để bổ sung chi CCTL tăng trong năm theo quy định.
- Kinh phí bổ sung mục tiêu: thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

9. Phân bổ dự toán chi sự nghiệp môi trường:

ĐVT: ngàn đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2022	Ghi chú
I	Chi Sự nghiệp môi trường	2.713.000	
1	Các hoạt động môi trường	2.713.000	

Phân bổ theo tỷ lệ chi thường xuyên: tính bằng 1% chi thường xuyên phân bổ theo định mức từ mục 1 đến mục 8.

- Dự toán trên đã bao gồm toàn bộ kinh phí hoạt động sự nghiệp môi trường đã phân cấp cho cấp huyện.
- Hàng năm căn cứ tình hình cụ thể huyện bố trí giao từng nội dung chi liên quan đến hoạt động môi trường, đáp ứng với yêu cầu thực tế, trên cơ sở định mức đã giao.

- Dự toán trên giao ổn định trong giai đoạn 2022-2025

10. Phân bổ dự toán chi khác ngân sách:

- Dự toán chi khác ngân sách: Tính 0,5% chi thường xuyên theo quy định, khả năng ngân sách của huyện.

- Dự toán trên giao ổn định trong giai đoạn 2022-2025:

ĐVT: 1.000đ

S TT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2022	Ghi chú
I	Chi khác ngân sách	1.450.000	

Tuy nhiên do chi quản lý hành chính không đảm bảo, nên đã bố trí nguồn chi Quản lý hành chính cấp huyện ngay từ đầu năm cho các nhiệm vụ chi QLHC.

11. Dự toán Chi dự phòng ngân sách:

Dự toán chi dự phòng ngân sách: 02% tổng chi Thường xuyên và chi đầu tư XDCB tập trung được tính phân bổ:

ĐVT: ngàn đồng

S TT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2022	Ghi chú
I	Chi dự phòng ngân sách	6.616.000	
1	Chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện mà chưa được dự toán (80%)	5.292.800	
2	Chi hỗ trợ cho ngân sách cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này, sau khi ngân sách cấp dưới đã sử dụng dự phòng để thực hiện nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu (15%)	992.400	
3	Chi hỗ trợ các địa phương khác khắc phục thiên tai hỏa hoạn nghiêm trọng (5%)	330.800	

Dự toán trên giao ổn định trong giai đoạn 2022-2025

II. Phân bổ chi đầu tư XDCB:

Hàng năm căn cứ vào định mức phân bổ về đầu tư XDCB của UBND tỉnh, khả năng ngân sách của huyện, UBND huyện sẽ bố trí vốn đầu tư và trang thiết bị phù hợp cho từng ngành, đảm bảo đầu tư các hạng mục công trình thực sự cần thiết, tiết kiệm vốn, sử dụng đúng mục đích, đạt hiệu quả; trình HĐND huyện phê chuẩn trước khi đầu tư.

III. ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ ĐỐI VỚI CẤP XÃ:

1. Phân bổ chi hành chính, đảng, đoàn thể, thôn, làng, tổ dân phố:

Tiêu chí phân bổ: căn cứ vào số lượng công chức, chuyên trách cấp xã; cán bộ không chuyên trách cấp xã; tổ chức chính trị xã hội cấp xã; số lượng đại biểu HĐND cấp xã; cán bộ tăng cường huyện về xã, các xã với nhau; Xã ở những vùng khó khăn, cách xa trung tâm huyện; theo số lượng đảng viên; các hoạt động, nhiệm vụ của xã,

Định mức phân bổ:

Đơn vị tính: 1.000đ

S TT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2022	Ghi Chú
I	Chi thường xuyên của xã, thị trấn	13.265.710	
1	Thị trấn Kbang	1.090.484	
2	Xã Đông	878.254	
3	Xã Nghĩa An	791.946	
4	Xã Đăk Hlơ	767.476	
5	Xã Lơ Ku	1.050.920	
6	Xã Kông Bờ La	861.354	
7	Xã Kông Long Khong	1.032.050	

8	Xã Tơ Tung	1.031.740	
9	Xã Sơ Pai	884.358	
10	Xã Sơn Lang	1.002.336	
11	Xã Krong	1.102.100	
12	Xã Đăk Rong	1.164.280	
13	Xã Đăk Smar	816.570	
14	Xã Kon Pne	791.842	

- * Dự toán đã bao gồm tất cả các nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã:
- Chi thường xuyên của cán bộ công chức, chuyên trách xã, thị trấn.
 - Chi thường xuyên của cán bộ không chuyên trách xã, thị trấn.
 - Khoản chi Thường xuyên của tổ chức chính trị xã hội cấp xã theo Nghị quyết 136/2021/NQ-HĐND tỉnh Gia Lai.
 - Chi hỗ trợ hoạt động của đại biểu HĐND cấp xã.
 - Chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở theo Quyết định 03/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh và Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP của liên bộ Tài chính và tư pháp.
 - Chi BCĐ ban thanh tra nhân dân.
 - Các xã có cán bộ huyện tăng cường làm lãnh đạo chủ chốt và cán bộ chủ chốt xã này được điều động sang xã khác.
 - Bổ sung thêm cho xã khó khăn, cách xa Trung tâm huyện.
 - Kinh phí hoạt động công tác đảng theo quyết định 99 (Đã trừ phần thu đảng phí được để lại sử dụng và PC cấp ủy cấp xã).
 - Hỗ trợ các chi hội thuộc xã ĐBKK (01 trđ/chi hội/năm) theo Thông tư số 49/2012/ TT-BTC của Bộ Tài chính, Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh Gia Lai.
 - Chi phụ cấp đối với thôn đội trưởng theo quy định.
 - Chi phụ cấp y tế thôn, làng.
 - Các nhiệm vụ phát sinh của cấp xã.
 - Dự toán trên giao ổn định trong giai đoạn 2022 - 2025

*) Dự toán trên chưa bao gồm:

- Lương và các khoản phụ cấp của cán bộ, công chức, chuyên trách và không chuyên trách cấp xã, cấp thôn (Kể cả công an viên), phụ cấp của đại biểu HĐND xã, phụ cấp BCH đảng bộ xã: Tính theo thực tế tại thời điểm giao dự toán hàng năm, ...

2. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo:

Đơn vị tính: 1.000đ

S TT	Tên đơn vị	Dự toán 2022	Ghi Chú
I	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	824.000	
1	Chi phụ cấp Trung tâm học tập cộng đồng phụ cấp giám đốc 0,2 + phó giám đốc 0,15	6.258	ĐM xã/năm
2	Chi hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng (xóa mù chữ, phổ cập giáo dục, bổ túc văn hóa):	7.000	ĐM xã/năm
3	Hỗ trợ bổ túc văn hoá, đào tạo cán bộ cấp xã và	638.000	

	đào tạo cán bộ ở thôn, làng TDP (Kể cả hỗ trợ hoạt động giáo dục (nhà trẻ, mẫu giáo, bổ túc văn hóa, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục, ...))		
+	Xã Đông, Nghĩa An, Đắk Hlơ, KBLA, Đắk Smar, Kon Pnê	45.000	ĐM xã/năm
+	Thị trấn và các xã còn lại	46.000	ĐM 1xã/năm

- Dự toán trên đã bao gồm toàn bộ hoạt động sự nghiệp giáo dục và đào tạo đã phân cấp cho xã và thị trấn, kể cả hỗ trợ đào tạo cán bộ cấp xã và đào tạo cán bộ ở thôn, làng TDP theo Nghị quyết 124/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh Gia Lai.

3. Sự Nghiệp Văn hoá - Thông tin:

ĐVT: 1.000 đ

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2022	Ghi Chú
I	Sự nghiệp văn hoá Thông tin	1.232.000	
1	Chi BCD toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá cấp xã	2.000	ĐM xã/năm
2	Chi hoạt động văn hoá-TT tại xã, thị trấn	307.000	
-	Nghĩa An, Đắk Hlơ	22.100	ĐM xã/năm
-	Thị trấn và các xã còn lại	21.900	ĐM xã/năm
3	Hoạt động KDC: Theo Nghị quyết số 88/2018/QĐ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh	592.000	
-	Thôn, làng thuộc xã Vùng II+III	6.000	ĐM làng/năm
-	Thôn, làng còn lại	5.000	ĐM làng/năm
4	Hỗ trợ xây dựng Đời sống văn hóa ở KDC xã khó khăn theo Nghị quyết 88/2018/QĐ-HĐND của HĐND tỉnh	305.000	
-	Xã Vùng II+III	25.000	ĐM xã/năm
-	Xã Vùng còn lại, xã hoàn thành NTM	20.00	ĐM xã/năm

- Dự toán trên đã bao gồm:

+ Toàn bộ hoạt động văn hoá thông tin đã phân cấp cho xã và thị trấn (Kể cả cuộc vận động toàn dân xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh).

+ Các xã, thị trấn thực hiện chế độ thông tin, tuyên truyền nói chung và thông tin tuyên truyền cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng. Kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hoá.

4. Phân bổ chi sự nghiệp Thể dục-Thể thao:

- Dự toán phân bổ:

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2022	Ghi chú
	Thể dục thể thao	293.000	
1	Thị trấn, xã Đông	21.100	ĐM xã/năm
2	Các xã còn lại	20.900	ĐM xã/năm

- Dự toán trên bao gồm toàn bộ hoạt động thể dục thể thao đã phân cấp cho cấp xã (kể cả kinh phí tổ chức đại hội TDTT cấp xã; kinh phí tham gia đại hội TDTT cấp huyện);

5. Dự toán phân bổ chi đảm bảo xã hội:

Đơn vị tính: 1.000đ

S TT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2022	Ghi chú
	Chi đảm bảo xã hội cấp xã	331.000	
1	Cán bộ nghỉ việc xã	148.403	
2	Chi công tác xã hội	182.597	
-	Thị trấn, Đắk Lơ	13.200	ĐM xã/ năm
-	Xã Đông	13.197	ĐM xã/ năm
-	Các xã còn lại	13.000	ĐM xã/năm

- Dự toán trên đã bao gồm toàn bộ các hoạt động đảm bảo xã hội phân cấp cho cấp xã: hỗ trợ các đối tượng chính sách, cứu đói, cứu trợ xã hội thường xuyên và đột xuất; kinh phí trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc trước năm 1998,....

- Hàng năm ngân sách huyện sẽ xem xét bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã chi: hỗ trợ sửa chữa nhà ở, hỗ trợ đời sống cho đối tượng chính sách, các khoản hỗ trợ cứu đói, khắc phục hậu quả thiên tai cấp thiết, xảy ra trên diện rộng vượt quá khả năng đảm bảo của ngân sách xã, thị trấn;

6. Dự toán chi cho hoạt động truyền thanh xã:

ĐVT: ngàn đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2022	Ghi chú
1	Hỗ trợ hoạt động truyền thanh cấp xã	10.000	ĐM xã/năm

- Dự toán trên đã bao gồm toàn bộ các hoạt động truyền thanh phân cấp cho cấp xã.

7. Dự toán chi sự nghiệp kinh tế:

ĐVT: ngàn đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2022	Ghi chú
	Chi sự nghiệp kinh tế	2.599.000	
1	Thị trấn Kbang	146.461	
2	Xã Đông	147.707	
3	Xã Nghĩa An	147.717	
4	Xã Đắk Hlơ	177.238	
5	Xã Lơ Ku	207.701	
6	Xã Kông Bờ La	158.020	
7	Xã Kông Long Khong	244.600	
8	Xã Tơ Tung	173.410	
9	Xã Sơ Pai	188.837	
10	Xã Sơn Lang	158.324	
11	Xã Krong	268.171	
12	Xã Đắk Rong	323.294	
13	Xã Đắk Smar	139.429	
14	Xã Kon Pnê	124.090	

- Dự toán trên chưa bao gồm kinh phí hỗ trợ kiên cố hoá kênh mương và giao thông nông thôn-phần ngân sách huyện hỗ trợ.

- Dự toán trên đã bao gồm toàn bộ kinh phí chi hoạt động sự nghiệp kinh tế phân cấp cho cấp xã, gồm:

- + Sự nghiệp Nông nghiệp: Hoạt động của Sự nghiệp kinh tế khác;
- + Kiến thiết thị chính: hỗ trợ tiền điện chiếu sáng công cộng;
- + Giao thông: Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường Giao thông do cấp xã quản lý, nạo vét mương, cống thoát nước, phát quang các tuyến đường, ...
- + SN Kinh tế khác: Phụ cấp cộng tác viên quản lý các Hệ thống nước Tự chảy do xã quản lý (theo QĐ 11/QĐ-UBND ngày 19/2/2014 của UBND huyện).
- + Chi tăng cường công tác bảo vệ rừng cấp xã - do xã quản lý.

8. Dự toán phân bổ chi quốc phòng an ninh:

8.1 Dự toán chi cho an ninh:

Đơn vị tính: 1.000đ

S TT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2022	Ghi chú
1	Chi hoạt động an ninh cấp xã	557.000	
-	Xã trọng điểm an ninh trật tự: Thị trấn, Tơ Tung, Sơn Lang	45.000	ĐM xã/năm
-	Xã Đông, Nghĩa An, Đắk Hlơ	38.500	ĐM xã/năm
-	Xã Lơ Ku	38.400	ĐM xã/năm
-	Các xã còn lại	38.300	ĐM xã/năm

- Dự toán trên bao gồm toàn bộ hoạt động an ninh đã phân cấp cho cấp xã.

8.2 Dự toán chi Quốc Phòng:

- Định mức phân bổ:

+ Phân bổ theo chỉ tiêu số lượng theo Luật dân quân tự vệ và Nghị định số 72/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Phân bổ theo số lượng dân quân cơ động, dân quân tại chỗ giao chỉ tiêu huấn luyện trong năm theo Đề án huấn luyện dân quân tự vệ giai đoạn 2021-2025 được HĐND huyện phê duyệt tại Nghị quyết 11/NQ-HĐND năm 2021.

- Dự toán phân bổ:

Đơn vị tính: 1.000đ

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2022	Ghi chú
I	Chi Quốc phòng	2.108.238	
1	Thị trấn Kbang	210.772	
2	Xã Đông	129.251	
3	Xã Nghĩa An	134.046	
4	Xã Đắk Hlơ	127.458	
5	Xã Lơ Ku	172.442	
6	Xã Kông Bờ La	133.458	
7	Xã Kông Long Khong	145.163	
8	Xã Tơ Tung	175.883	
9	Xã Sơ Pai	139.883	
10	Xã Sơn Lang	159.603	
11	Xã Krong	164.831	
12	Xã Đắk Rong	170.604	
13	Xã Đắk Smar	123.201	

14	Xã Kon Pne	121.643	
----	------------	---------	--

- Dự toán gồm toàn bộ hoạt động chi quốc phòng đã phân cấp cho cấp xã, gồm: Phụ cấp của Lực lượng dân quân tự vệ theo Luật DQTV và Nghị định 72/2020/NĐ-CP của Chính phủ; kinh phí huấn luyện lực lượng Dân quân tự vệ (Cơ động, tại chỗ); Chi hỗ trợ quốc phòng theo phân cấp cho cấp xã.

9. Chi khác ngân sách:

Đơn vị tính: 1.000đ

S TT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2022	Ghi chú
	Chi khác ngân sách cấp xã	305.000	
1	Thị trấn Kbang	29.577	
2	Xã Đông	20.286	
3	Xã Nghĩa An	17.933	
4	Xã Đăk Hlơ	17.306	
5	Xã Lơ Ku	23.164	
6	Xã Kông Bờ La	19.586	
7	Xã Kông Long Khong	22.194	
8	Xã Tơ Tung	24.762	
9	Xã Sơ Pai	20.566	
10	Xã Sơn Lang	22.811	
11	Xã Krong	25.654	
12	Xã Đăk Rong	26.303	
13	Xã Đăk Smar	17.762	
14	Xã Kon Pne	17.096	

- Chi khác ngân sách được bố trí 0,5% các khoản chi (Từ 1-8, trừ các khoản phân bổ bổ sung cho an ninh - quốc phòng). Các xã, thị trấn bố trí các nhiệm vụ phát sinh trong năm ngoài dự toán.

10. Dự phòng Ngân sách cấp xã:

Đơn vị tính: 1.000đ

S TT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2022	Ghi chú
	Dự phòng ngân sách cấp xã	1.220.000	
1	Thị trấn Kbang	118.308	
2	Xã Đông	81.144	
3	Xã Nghĩa An	71.732	
4	Xã Đăk Hlơ	69.224	
5	Xã Lơ Ku	92.656	
6	Xã Kông Bờ La	78.344	
7	Xã Kông Long Khong	88.776	
8	Xã Tơ Tung	99.048	
9	Xã Sơ Pai	82.264	
10	Xã Sơn Lang	91.244	
11	Xã Krong	102.616	
12	Xã Đăk Rong	105.212	
13	Xã Đăk Smar	71.045	
14	Xã Kon Pne	68.387	

- Ngân sách huyện phân bổ lại 02% nguồn dự phòng cho ngân sách cấp xã, các xã, thị trấn sử dụng nguồn dự phòng theo đúng quy định.

*) Định mức phân bổ chi thường xuyên cho ngân sách cấp xã năm 2022 và các quy định khác tại Quy định này **chỉ để** xác định tổng chi thường xuyên. Căn cứ quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp xã cho thời kỳ 2022-2025, khả năng tài chính-ngân sách và đặc điểm, tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng dự toán và phân bổ ngân sách hàng năm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt đảm bảo phù hợp tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Riêng đối với khoản chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề, UBND các xã phân bổ không được thấp hơn mức huyện đã phân bổ cho ngân sách cấp xã; đồng thời gửi Ủy ban nhân dân huyện để tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân huyện.

Căn cứ Quy định tại Nghị quyết số 78/NQ-HDDND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai, để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các chế độ chính sách theo Nghị quyết 136/2021/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của HĐND tỉnh, các xã, thị trấn trình HĐND cùng cấp giao chỉ tiêu phân đầu tăng thu so với kế hoạch HĐND huyện giao, sau khi trích tạo nguồn CCTL, ưu tiên sử dụng để đảm bảo nhiệm vụ chi theo quy định. Đồng thời UBND các xã, thị trấn thực hiện kiểm tra, rà soát các nội dung chi chưa cần thiết từ các lĩnh vực theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên được giao, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương để dành nguồn đảm bảo thực hiện Nghị quyết 136/2021/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của HĐND tỉnh.

D .Trong thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 nếu tăng thêm sẽ được bổ sung có mục tiêu như sau:

1. Đối với các đơn vị hành chính cấp huyện:

- Đối với luân chuyển, điều động cán bộ từ đơn vị này sang đơn vị khác: Quỹ lương tính theo số tháng thực tế và chi thường xuyên theo số tháng thực tế nhưng không vượt quá định mức chi Thường xuyên theo quy định/năm;

- Tuyển dụng mới:

+ Đối với quản lý HCNN, đảng, đoàn thể: Tính quỹ lương thực tế của biên chế tăng và 28 trđ/bc/năm (Chưa trừ 10% Tiết kiệm CCTL theo quy định);

+ Đối với Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP, sự nghiệp: Tính quỹ lương thực tế của biên chế tăng và 10 trđ/bc/năm;

- Sự nghiệp văn hoá thông tin, Thể dục-TT, quốc phòng, Giáo dục&ĐT khi có quyết định của tỉnh bổ sung mục tiêu, huyện sẽ cấp đủ cho đơn vị theo định mức tỉnh quy định;

2. Đối với các xã:

Trong thời kỳ ổn định ngân sách: nếu bổ sung thêm nhiệm vụ chi, định mức chi, khi nào tỉnh bổ sung cho huyện, thì huyện mới bổ sung cho các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn.

Điều 5. Hàng năm UBND huyện trình Hội đồng nhân dân huyện:

1. Từ năm 2023 đến năm 2025 Đối với lĩnh vực chi thuộc ngân sách cấp huyện, như: Quản lý hành chính, sự nghiệp y tế, sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề, sự nghiệp nghiên cứu khoa học được điều chỉnh tăng thêm hàng năm,

do UBND huyện trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định phù hợp với yêu cầu thực hiện và khả năng cân đối của ngân sách cấp huyện.

2. Từ năm 2023 đến năm 2025: Tăng thêm số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách cấp xã, thị trấn so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách và hỗ trợ cho các địa phương trong trường hợp có phát sinh nhiệm vụ đặc biệt về an ninh, quốc phòng theo khả năng cân đối của ngân sách cấp huyện. /.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



Nguyễn Văn Dũng